

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4069**/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **20** tháng **10** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương,
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của UBND huyện Quảng Xương tại Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016; của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 5676/SXD-QH ngày 05 tháng 10 năm 2016 về nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện huyện Quảng xuong.

- Phía Bắc giáp: Thành phố Thanh Hóa và thị xã Sầm Sơn;
- Phía Nam giáp: Huyện Tĩnh Gia;
- Phía Đông giáp: Biển Đông;
- Phía Tây giáp: Huyện Nông Công, huyện Đông Sơn.

Huyện Quảng Xương có 30 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn huyện lỵ loại V và 29 xã. Với tổng diện tích tự nhiên 171,26 km², dân số thống kê năm 2015 khoảng 184.604 người, chiếm 1,54% diện tích và 6,3% dân số toàn tỉnh.

2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/06/2015 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, Nghị Quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Quảng Xương lần thứ XXV nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Phát huy vị trí chiến lược của huyện Quảng Xương để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng, quan hệ trong nước, khai thác các thế mạnh về đầu mối giao thông, công nghiệp, du lịch, nông lâm nghiệp. Xây dựng nông thôn mới, tạo dựng hình ảnh của huyện Quảng Xương là huyện có bề dày lịch sử, tiềm năng phát triển, truyền thống văn hóa, du lịch.

- Xây dựng cấu trúc không gian vùng lãnh thổ, liên kết đô thị, điểm dân cư nông thôn, liên kết các cực tăng trưởng kinh tế, đảm bảo sự phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn; đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững; kết hợp chặt chẽ việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Là cơ sở để triển khai lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn, và quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng. Xây dựng các chương trình phát triển đô thị.

3. Yêu cầu về dự báo sơ bộ quy mô vùng.

Nêu cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng huyện: Các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và quỹ đất xây dựng; Hiện trạng về phát triển kinh tế, những khu vực kinh tế chủ đạo của huyện và từng địa bàn; Tình hình đầu tư công nghiệp, dân cư và phát triển đô thị, phân bố công trình HTXH, tăng trưởng dân số, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn...

a) Dự báo sơ bộ về quy mô dân số

- Dự báo đến năm 2025: Khoảng 225.000 người, dân số đô thị khoảng 100.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 48%;

- Dự báo đến năm 2035: Khoảng 231.000 người; dân số đô thị khoảng 130.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 60%;

- Đề xuất mô hình phân bố dân cư đô thị và nông thôn theo các vùng. Đề xuất các mục tiêu, quy mô phát triển, chính sách để kiểm soát, điều tiết phát triển dân số nhằm mục tiêu bảo đảm cân đối giữa phát triển dân số với phát triển kinh tế và khả năng đáp ứng của hạ tầng đô thị.

b) Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai

- Dự báo quỹ đất xây dựng đô thị: đến năm 2025 khoảng 1300 - 1600 ha; đến năm 2035 đất xây dựng đô thị khoảng: 1700 - 2000 ha.

Cơ cấu sử dụng đất đô thị: Thực hiện theo quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam; Đặc biệt lưu ý khi quy hoạch phải dành đủ đất xây dựng giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng theo hướng hiện đại và phát triển bền vững.

4. Nội dung yêu cầu nghiên cứu:

4.1. Yêu cầu phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng vùng:

- Phân tích, đánh giá liên kết giữa huyện Quảng Xương với các vùng lân cận, nêu rõ tiềm năng lợi thế của huyện trong tổng thể liên kết về không gian kinh tế, xã hội, kết nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật. Các đánh giá phải nêu bật được sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng nổi trội.

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp Quốc gia, cấp tỉnh, các dự án cấp huyện đã và đang triển khai. Đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới;

- Đánh giá khu vực các xã phía Tây Quốc lộ 1A về tiềm năng và định hướng phát triển; các khu vực bãi ngang ven biển xác định các thách thức phát triển ven biển trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng.

4.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Dự báo phát triển không gian vùng, những xu thế phát triển mới, các dự báo phát triển kinh tế vùng Bắc Trung Bộ và khu kinh tế Nghi Sơn; nhận dạng những tác động đến quy hoạch vùng huyện Quảng Xương.

- Đối với vùng trung tâm huyện thị trấn huyện lỵ: Là trung tâm văn hoá, chính trị, hành chính, văn hoá, kinh tế của cả huyện, tập trung các hoạt động thương mại và trung tâm du lịch. Làm rõ quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí

cho các giải pháp định hướng phát triển không gian vùng đô thị trung tâm làm tiền đề cho nghiên cứu quy hoạch sau này;

- Đối với các trục động lực phát triển: Trục Quốc lộ 1A từ thành phố Thanh Hoá đi khu kinh tế Nghi Sơn; Trục đường Ven biển (Quốc lộ 4c) từ thị xã Sầm Sơn đi cầu Ghép.

- Đối với hệ thống đô thị: Nghiên cứu định hướng phân bố hệ thống đô thị, hình thái phát triển đô thị với đô thị trung tâm, các đô thị chức năng du lịch ven biển, công nghiệp.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn: Đề xuất mô hình khu ở dân cư nông thôn điển hình theo tiêu chuẩn nông thôn mới có nghiên cứu bổ sung tiêu chí đặc thù của huyện.

- Đối với các vùng sản xuất, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Đề xuất phân bố các khu công nghiệp, khu công nghiệp chuyên ngành và khu công nghiệp đa ngành gắn với vùng động lực phát triển kinh tế và các trục kinh tế đã xác định. Đề xuất phân bố các cụm công nghiệp vừa và nhỏ gắn với cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Đối với các khu sản xuất Nông, ngư nghiệp: Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi gia súc tập trung, khu nuôi trồng và chế biến thủy hải sản nhằm tạo ra các vùng sản xuất chuyên canh lớn, sản xuất tập trung.

- Đối với phát triển vùng du lịch: Tập trung phát triển du lịch, dịch vụ du lịch ven biển từ Sầm Sơn đến cầu Ghép; du lịch văn hoá, tâm linh gắn với bảo tồn phát huy giá trị các khu di tích khu bảo tồn. Ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch cao cấp, chất lượng cao tại các khu, điểm du lịch ven biển; trọng tâm là thu hút các dự án các khu resort, nhà hàng cao cấp và các khu vui chơi giải trí.

4.3. Yêu cầu về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

a) Về định hướng giao thông

- Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết vùng kinh tế, trục động lực kinh tế đã xác định. Lựa chọn khung giao thông để phát triển các vùng mới, các trung tâm đô thị mới, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị với vùng và liên kết các hành lang giao thông của tỉnh.

b) Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

- Phân tích , đánh giá về địa hình, các biến động về địa chất, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng.

- Đề xuất khung các công trình đầu mối về thoát nước mặt, xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối. Các giải pháp giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Xác định các biện pháp phòng ngừa , giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát để đảm bảo phát triển bền vững.

c) Về định hướng quy hoạch cấp nước:

- Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị trung tâm huyện lỵ, đô thị vệ tinh đến năm 2035.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm..

d) Về định hướng quy hoạch cấp điện:

- Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất đến năm 2035, điều chỉnh lưới truyền tải và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo

e) Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:

- Dự báo , điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị gia đoạn đến năm 2035 và dài hạn đến năm 2065. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện.

4.4. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường.

Các nội dung yêu cầu nghiên cứu cần thực hiện theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-Cp ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

5. Dự toán kinh phí thực hiện: 1.834.781.000 đ

(Một tỷ, tám trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát địa hình: 11.716.000 đ;
- Chi phí lập nhiệm vụ và lập quy hoạch: 1.556.921.480 đ;
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch: 98.991.667 đ;
- Chi phí khác: 167.151.838 đ;

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Tờ trình của Sở Xây dựng)

Dự toán kinh phí trên được tạm tính trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn, quy phạm, khối lượng dự kiến thực hiện, các chế độ chính sách hiện hành. Khi thanh quyết toán phải căn cứ vào khối lượng thực tế thực hiện để nghiệm thu, thanh quyết toán.

6. Nguồn vốn lập quy hoạch: Ngân sách huyện.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan chủ quản đầu tư và phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Quảng Xương.
- Cơ quan tổ chức thẩm định và trình duyệt: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.

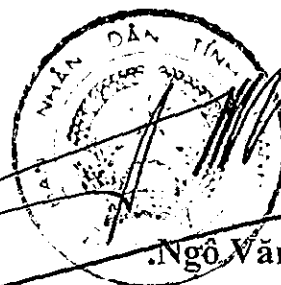
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H4.(2016)QDPD_NV QHV huyện QX.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn